

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị*

*Báo cáo tài chính đã soát xét*

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
3. Bảng cân đối kế toán	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 35

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Văn Hóa	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên
Ông Trần Việt Anh	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Tuyền	Trưởng BKS
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Quyết	Giám đốc Tài chính – Kế toán trưởng

### 3. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc;....

### 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 được trình bày từ trang 04 đến trang 35.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



VÕ TRƯỜNG THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Số: 119/BCSX - DFK

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2015, từ trang 04 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN TUYẾN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**HỒ ĐẮC HIẾU**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>2,562,394,039,764</b>	<b>2,312,283,343,369</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>134,778,525,643</b>	<b>82,540,937,708</b>
1. Tiền	111	V.01	94,679,703,737	45,620,937,708
2. Các khoản tương đương tiền	112		40,098,821,906	36,920,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>56,823,768,438</b>	<b>12,147,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.1	56,823,768,438	12,147,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,010,397,368,788</b>	<b>966,803,466,963</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	776,885,110,732	818,791,809,092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		72,172,365,169	45,842,215,780
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	51,602,188,288	43,403,236,288
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	114,421,079,936	63,388,669,129
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4,683,960,359)	(4,623,048,348)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		585,022	585,022
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.05	<b>1,343,206,037,800</b>	<b>1,247,467,506,802</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,350,578,898,541	1,254,840,367,543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,372,860,741)	(7,372,860,741)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17,188,339,095</b>	<b>3,324,431,897</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	1,284,790,266	1,368,286,321
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14,473,524,087	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	1,430,024,742	1,956,145,576
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>697,974,171,790</b>	<b>664,975,198,180</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>790,000,000</b>	<b>1,150,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	790,000,000	1,150,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55,722,529,581</b>	<b>19,189,389,123</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	50,414,387,172	13,868,732,538
- Nguyên giá	222		81,651,056,738	43,067,266,763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31,236,669,566)	(29,198,534,225)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	5,308,142,409	5,320,656,585
- Nguyên giá	228		5,750,272,894	5,750,272,894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442,130,485)	(429,616,309)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>106,446,638,242</b>	<b>137,849,989,195</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.09	68,052,166,224	63,554,910,106
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	38,394,472,018	74,295,079,089
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.12	<b>487,382,247,901</b>	<b>483,681,022,355</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		367,985,487,443	364,685,487,443
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		96,930,473,000	96,191,518,700
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		61,384,784,766	59,034,784,766
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47,654,077,308)	(53,513,348,554)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,735,580,000	17,282,580,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47,632,756,066</b>	<b>23,104,797,507</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	47,559,558,711	23,031,600,152
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		73,197,355	73,197,355
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,260,368,211,555</b>	<b>2,977,258,541,549</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1.977.513.150.670</b>	<b>1.804.775.331.676</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.977.513.150.670</b>	<b>1.785.284.581.676</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	77.817.601.151	88.650.700.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.694.255.115	57.565.236.221
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	80.364.557.308	47.413.803.342
4. Phải trả người lao động	314		19.746.858.356	22.327.977.910
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	38.423.656.149	48.919.076.178
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	33.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	602.646.764.696	281.025.147.568
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.099.015.803.157	1.246.810.354.597
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(8.196.345.262)	(7.460.714.162)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>19.490.750.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	19.490.750.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.18	<b>1.282.855.060.885</b>	<b>1.172.483.209.873</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.282.855.060.885</b>	<b>1.172.483.209.873</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.671.000.000	1.000.671.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.671.000.000	1.000.671.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52.105.692.848	52.105.692.848
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.640.000)	(4.640.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.407.463.167	13.407.463.167
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		216.675.544.870	106.303.693.858
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		106.303.693.858	50.923.451.247
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110.371.851.012	55.380.242.611
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.260.368.211.555</b>	<b>2.977.258.541.549</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đào Ngọc Quyết  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



Đào Ngọc Quyết  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

2900  
ÔNG  
NHIỆM  
EM TI  
DFK  
ỆT N  
TP.

19  
TY  
AN  
TH

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1.239.420.308.411	662.349.915.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.02	188.058.160	853.234.414
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.239.232.250.251	661.496.681.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.117.366.632.024	587.717.594.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.865.618.227	73.779.086.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	8.425.974.205	3.392.769.602
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	19.649.344.013	32.719.302.084
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.984.767.487	49.073.684.588
8. Chi phí bán hàng	25	VI.06	9.113.417.219	5.311.680.928
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	38.450.540.811	28.319.076.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.078.290.389	10.821.797.051
11. Thu nhập khác	31	VI.08	87.393.282.860	4.226.853.843
12. Chi phí khác	32	VI.09	7.555.231.338	1.471.950.406
13. Lợi nhuận khác	40		79.838.051.522	2.754.903.437
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		142.916.341.911	13.576.700.488
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	32.544.490.899	3.294.308.302
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		110.371.851.012	10.282.392.186

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

  
Đào Ngọc Quyết

Người lập biểu

  
Đào Ngọc Quyết

Kế toán trưởng



Võ Trường Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>142.916.341.911</b>	<b>13.576.700.488</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.402.867.245	2.270.609.173
Các khoản dự phòng	03	(5.798.359.236)	(12.044.340.210)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.402.997.870	4.834.113.467
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.934.574.741)	7.545.896.960
Chi phí lãi vay	06	46.984.767.487	49.073.684.588
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>183.974.040.535</b>	<b>65.256.664.465</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(46.366.718.631)	(201.568.965.564)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(100.235.787.116)	(40.256.994.339)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(118.306.482.994)	163.342.671.847
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(24.444.462.505)	252.184.372
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.124.185.886)	(15.300.384.163)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(23.243.339)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(131.503.596.597)</b>	<b>(28.298.066.721)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.174.709.285)	(608.720.702)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	495.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.676.768.438)	(12.421.416.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.650.000.000)	(1.046.402.035)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.999.120.000	12.717.420.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.262.025.929	4.468.859.081
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(39.745.331.794)</b>	<b>3.109.740.344</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	172.667.850.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	555.544.540.046	310.196.075.049
Tiền trả nợ gốc vay	34	(504.770.170.024)	(255.370.574.314)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>223.442.220.022</b>	<b>54.825.500.735</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>52.193.291.631</b>	<b>29.637.174.358</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>82.540.937.708</b>	<b>42.461.925.582</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	44.296.304	12.590.232
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>134.778.525.643</b>	<b>72.111.690.172</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Đào Ngọc Quyết  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



Ngày 27 tháng 8 năm 2015

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13/01/2015 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường ĐT747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh: 98 Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Chi nhánh: Đường ĐT 743, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

##### Danh sách các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Danh sách các Công ty con (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60,000,000,000	99.33%	99.97%
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành (*)	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60.00%	60.00%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăknông	60,000,000,000	96.00%	99.44%
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăknông	50,000,000,000	97.90%	94.75%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10,000,000,000		95.30%

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết trên 50%.

### Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	43.76%
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

##### Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

##### Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

##### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	04 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm	03 - 10 năm

#### 6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phải thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

## 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thuê đất phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí khác (chi phí sửa chữa, quảng cáo...)

## 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hàng mẫu, chi phí bao bì, đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho, chi phí nhân viên,...

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2015	01/01/2015
Tiền mặt	351,638,301	472,124
Tiền gửi ngân hàng	(1.1) 94,328,065,436	45,270,465,584
Tiền đang chuyển	-	350,000,000
Các khoản tương đương tiền	(1.2) 40,098,821,906	36,920,000,000
<b>Cộng</b>	<b>134,778,525,643</b>	<b>82,540,937,708</b>
<b>(1.1) Bao gồm:</b>		
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	(*) 90,710,659,346	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (165,943.32 USD)	3,613,913,646	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (143.95 EUR)	3,492,444	
<b>Cộng</b>	<b>94,328,065,436</b>	

(\*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền 40 tỷ đồng đang được Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB) giữ tại tài khoản phong tỏa để hoàn tất các thủ tục thu hồi nợ tương ứng.

(1.2) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Phải thu của khách hàng	30/6/2015	01/01/2015
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- AHL	139,695,448,817	136,144,935,956
- PIR	64,594,703,145	44,006,831,564
- LAPGF	62,035,715,649	53,420,720,275
- ALR	41,139,373,604	17,253,983,276
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Trường Vũ	40,536,075,000	40,536,075,000
- Các bên liên quan (thuyết minh mục b)	259,556,459,739	353,761,832,568
- Các khách hàng khác	169,327,334,778	173,667,430,453
<b>Cộng</b>	<b>(*) 776,885,110,732</b>	<b>818,791,809,092</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 17,213,034.95 USD tương đương 373.547.626.790 đồng.

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	30/6/2015	01/01/2015
- Công ty CP Trường Thành (TTDL1)	115,882,117,105	117,407,659,855
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTDL2)	-	49,909,077,169
- Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3)	142,432,553,545	113,091,367,471
- Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	-	70,214,202,021
- Các bên liên quan khác	1,241,789,089	3,139,526,052
<b>Cộng</b>	<b>259,556,459,739</b>	<b>353,761,832,568</b>

3. Phải thu khác	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	73,562,450		296,122,106	
- Phải thu lãi cho vay	8,734,377,778		5,647,080,657	
- Phải thu liên quan đến lợi nhuận được chia	-		990,100,000	
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các tổ chức và cá nhân	16,585,084,424		49,226,937,773	
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các bên liên quan	2,500,000,000		-	
- Phải thu Ông Phạm Thừa Tự	153,737,470	(153,737,470)	153,737,470	(153,737,470)
- Phải thu nhân viên liên quan đến khoản bồi thường thiệt hại	-		1,227,194,893	
- Phải thu liên quan đến các khoản xuất nguyên liệu, vật tư cho công trình chưa quyết toán	2,792,554,331		-	
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VII.3)	79,031,001,815		-	
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn (*)	1,309,411,408		3,748,797,103	
- Các khoản tạm ứng	1,693,172,399		2,098,699,127	
- Phải thu khác	1,548,177,861		-	
<b>Cộng</b>	<b>114,421,079,936</b>	<b>(153,737,470)</b>	<b>63,388,669,129</b>	<b>(153,737,470)</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản ký quỹ có gốc ngoại tệ là 6,878.68 EUR tương đương 166.883.655 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu khác (tiếp theo)	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b) Dài hạn</b>				
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400,000,000	-	400,000,000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn về thuê mặt bằng	390,000,000	-	750,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>790,000,000</b>	<b>-</b>	<b>1,150,000,000</b>	<b>-</b>
<b>4. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			30/6/2015	01/01/2015
- Ông Phạm Thừa Tự			280,000,000	280,000,000
- Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương			300,000,000	300,000,000
- Công ty TNHH XD Đồng Long			5,012,576,000	5,048,576,000
- Công ty CP VL XD Trường Thành Phước An (TTPA)			1,040,000,000	1,040,000,000
- Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji			23,827,440,000	23,312,488,000
- Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành			5,283,172,288	5,283,172,288
- Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành			13,759,000,000	8,139,000,000
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành Mdräk			2,100,000,000	-
<b>Cộng</b>			<b>51,602,188,288</b>	<b>43,403,236,288</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>			30/6/2015	01/01/2015
- Hàng đang đi trên đường			846,444,359	2,183,340,585
- Nguyên liệu gỗ các loại			849,679,883,411	760,776,436,264
- Vật liệu phụ			23,806,691,804	24,634,183,255
- Công cụ, dụng cụ			661,847,653	682,489,854
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			404,216,670,455	407,163,482,493
- Thành phẩm			54,507,893,300	42,494,985,504
- Hàng hóa			16,848,005,066	16,830,408,291
- Hàng gửi bán			11,462,493	75,041,296
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			(7,372,860,741)	(7,372,860,741)
<b>Cộng</b>			<b>1,343,206,037,800</b>	<b>1,247,467,506,802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

6. Nợ xấu	30/6/2015			01/01/2015		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	150,000,000		- Chín Hào	150,000,000		- Chín Hào
	18,827,600		- Các đối tượng khác	798,536,891		- Các đối tượng khác
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	1,439,519,236		- Tesco International	1,439,519,236		- Tesco International
	342,789,530		- Công ty TNHH TM-DV Minh Phước	342,789,530		- Công ty TNHH TM-DV Minh Phước
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	1,109,974,451		- Các đối tượng khác	1,109,974,451		- Các đối tượng khác
	368,601,448		- Các đối tượng khác	368,601,448		- Các đối tượng khác
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	915,176,696		- Berkline Benchcraft LLC	915,176,696		- Berkline Benchcraft LLC
	779,709,291		- CN Ngân Hàng Phát Triển Bình Dương	779,709,291		- CN Ngân Hàng Phát Triển Bình Dương
	939,438,672		- Các đối tượng khác	939,438,672		- Các đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>6,064,036,924</b>		-	<b>6,843,746,215</b>		-

**Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:**

Số dư đầu năm	(4,623,048,348)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(294,824,798)
Giảm	233,912,787
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(4,683,960,359)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	11,825,249,182	21,651,875,400	8,575,172,871	1,014,969,310	43,067,266,763
Mua trong kỳ	-	1,008,300,203	655,538,353	-	1,663,838,556
Đầu tư XDCB hoàn thành	37,411,477,800				37,411,477,800
Thanh lý, nhượng bán	-	-	491,526,381	-	491,526,381
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49,236,726,982</b>	<b>22,660,175,603</b>	<b>8,739,184,843</b>	<b>1,014,969,310</b>	<b>81,651,056,738</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6,785,010,793	15,076,474,030	6,530,449,805	806,599,597	29,198,534,225
Khấu hao trong kỳ	506,994,969	1,338,604,802	512,703,152	32,050,146	2,390,353,069
Thanh lý, nhượng bán	-	-	352,217,728	-	352,217,728
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7,292,005,762</b>	<b>16,415,078,832</b>	<b>6,690,935,229</b>	<b>838,649,743</b>	<b>31,236,669,566</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5,040,238,389	6,575,401,370	2,044,723,066	208,369,713	13,868,732,538
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>41,944,721,220</b>	<b>6,245,096,771</b>	<b>2,048,249,614</b>	<b>176,319,567</b>	<b>50,414,387,172</b>

TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 8.580.679.967 đồng.

Toàn bộ tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

### 8. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm vi tính	Cộng
Số dư đầu năm	5,256,000,000	494,272,894	5,750,272,894
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5,256,000,000</b>	<b>494,272,894</b>	<b>5,750,272,894</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	429,616,309	429,616,309
Tăng	-	12,514,176	12,514,176
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>442,130,485</b>	<b>442,130,485</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	<b>5,256,000,000</b>	<b>64,656,585</b>	<b>5,320,656,585</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>5,256,000,000</b>	<b>52,142,409</b>	<b>5,308,142,409</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 26 thuộc tờ khai bản đồ số 12 tọa lạc tại phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 175,2 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T00405 ngày 14/4/2009 với tổng giá trị là 5.256.000.000 đồng. Quyền sử dụng đất này đã được Công ty thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (công ty con).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 243.989.358 đồng (phần mềm kế toán, phần mềm quản lý).

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2015	01/01/2015
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>		
- Chi phí trồng rừng	<b>68,052,166,224</b>	<b>63,554,910,106</b>
<b>10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	(*) 32,500,000,000	32,500,000,000
- Chi phí xây dựng 02 nhà kho theo hợp đồng HĐ03/10:HĐXD-TTBD1 ngày 04/12/2010	179,604,391	37,482,166,672
- Chi phí xây dựng công trình nhà máy 7	1,514,037,225	1,514,037,225
- Chi phí sửa chữa showroom Hà Nội	1,148,413,760	-
- Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản khác	3,052,416,642	2,798,875,192
<b>Cộng</b>	<b>38,394,472,018</b>	<b>74,295,079,089</b>

(\*): Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 77, 78, 79 và 80 có tổng diện tích là 10.320 m<sup>2</sup> thuộc tờ khai bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương từ Ông Phạm Hoài Nam theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07/01/2008 với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 33,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2015, Công ty đã chuyển cho Ông Phạm Hoài Nam tổng số tiền là 32,5 tỷ đồng nhưng Ông Phạm Hoài Nam vẫn chưa tiến hành làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nêu trên cho Công ty. Theo Thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014, Công ty sẽ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất này (Thuyết minh tại VII.2).

	30/6/2015	01/01/2015
<b>11. Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	377,809,216	1,037,001,202
- Chi phí bảo hiểm trả trước chờ phân bổ	906,981,050	236,219,285
- Chi phí chờ phân bổ khác	-	95,065,834
<b>Cộng</b>	<b>1,284,790,266</b>	<b>1,368,286,321</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	3,631,632,744	1,554,463,357
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	58,408,792	195,941,727
- Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	(*) 43,869,517,175	21,280,111,730
- Chi phí chờ phân bổ khác	-	1,083,338
<b>Cộng</b>	<b>47,559,558,711</b>	<b>23,031,600,152</b>

(\*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTD-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 18.282.378.026 đồng.

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 004/HĐTD-CCN ngày 08/12/2011 ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 29.002,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A16 thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 23.269.893.084 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 2.317.246.065 đồng.

### 12. Các khoản đầu tư tài chính

#### 12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	56,823,768,438	56,823,768,438	12,147,000,000	12,147,000,000
<b>Dài hạn</b>				
- Các khoản đầu tư khác (*)	8,735,580,000	8,735,580,000	17,282,580,000	17,282,580,000

(*) Khoản đầu tư mua chứng từ có giá	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá tồn bình quân	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2015
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	87.36	100,000,000	8,735,580,000

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã thoái một phần vốn tại Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và thu về lợi nhuận là 3.452.120.000 đồng. Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 30/6/2015 của khoản đầu tư này đang được phong tỏa.

#### 12.2 Đầu tư góp vốn

	30/6/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(a) - Đầu tư vào công ty con	367,985,487,443	326,616,158,523	(41,369,328,920)	364,685,487,443	316,652,711,782	(48,032,775,661)
(b) - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	96,930,473,000	90,875,314,783	(6,055,158,217)	96,191,518,700	90,815,185,071	(5,376,333,629)
(c) - Đầu tư vào đơn vị khác	61,384,784,766	61,155,194,595	(229,590,171)	59,034,784,766	58,930,545,502	(104,239,264)
<b>Cộng</b>	<b>526,300,745,209</b>	<b>478,646,667,901</b>	<b>(47,654,077,308)</b>	<b>519,911,790,909</b>	<b>466,398,442,355</b>	<b>(53,513,348,554)</b>

(a) Tên các công ty con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp theo ĐKKD	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế đến 30/6/2015
Công ty CP Trường Thành (ĐL1)	30,000,000,000	70%	21,000,000,000	21,000,000,000
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (ĐL2)	28,000,000,000	70%	19,600,000,000	19,600,000,000
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)	126,239,000,000	64%	81,000,000,000	81,000,000,000
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTTD)	25,000,000,000	46%	11,400,000,000	12,480,000,000
Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (TTDL4)	53,191,490,000	41%	21,809,360,000	26,809,360,000
Công ty CP Trường Thành Xanh (TTG)	100,000,000,000	60%	60,000,000,000	53,347,393,305
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	60,000,000,000	99%	59,600,000,000	59,564,847,684

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên các công ty con (tiếp theo)	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp theo ĐKKD	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế đến 30/6/2015
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (BD3)	56,470,000,000	51%	28,800,000,000	51,000,000,000
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành (ĐakNông)	60,000,000,000	96%	57,600,000,000	1,777,000,000
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	40,000,000,000	60%	24,000,000,000	12,571,430,000
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành DakNong	50,000,000,000	98%	48,950,000,000	18,950,000,000
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	10,000,000,000			9,885,456,454
<b>Cộng</b>				<b>367,985,487,443</b>

(b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế đến 30/6/2015
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51%	(*)	94,930,473,000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6,500,000,000	23%	1,500,000,000	2,000,000,000
<b>Cộng</b>				<b>96,930,473,000</b>

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty CP Tập đoàn OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 170,400.00 USD bằng tiền, 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.520,06 ha rừng trồng trị giá 947,520.00 USD.

(c) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

Đầu tư mua cổ phiếu và các chứng từ có giá	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá tồn bình quân	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2015
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	9,661	279,784,766
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	10,000	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	540,000	10,000	5,400,000,000
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	302,500	10,000	3,025,000,000
<b>Cộng</b>			<b>61,384,784,766</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### (d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào	Vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư	Tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư	Chênh lệch (*)	Tỷ lệ thực góp	Giá trị dự phòng
Công ty CP Trường Thành (ĐL1)	30,000,000,000	2,232,827,045	(27,767,172,955)	70.00%	(19,437,021,069)
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (ĐL2)	28,000,000,000	27,017,726,179	(982,273,821)	70.00%	(687,591,674)
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)	126,239,000,000	163,264,570,274	37,025,570,274	64.16%	-
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTTT)	12,800,000,000	6,236,816,625	(6,563,183,375)	97.50%	(6,399,103,790)
Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (TTDL4)	58,191,490,000	42,202,690,519	(15,988,799,481)	46.07%	(7,366,039,921)
Công ty CP Trường Thành Xanh (TTG)	53,244,606,834	36,510,770,125	(16,733,836,709)	99.99%	(**)
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	59,584,847,685	46,541,247,158	(13,043,600,527)	99.97%	(**)
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (BD3)	51,000,000,000	45,297,427,534	(5,702,572,466)	100.00%	(5,702,572,466)
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành (ĐakNông)	1,787,000,000	(278,082,520)	(2,065,082,520)	99.44%	(1,777,000,000)
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	18,346,802,000	24,992,294,514	6,645,492,514	60.00%	-
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành DakNong	20,000,000,000	69,510,682,804	49,510,682,804	94.75%	-
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	10,860,456,454	11,172,108,444	311,651,990	87.10%	-
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	186,145,590,650	177,014,613,161	(9,130,977,489)	51.00%	(4,656,798,519)
Công ty CP Bao bì Trường Thành	4,570,000,000	1,374,479,668	(3,195,520,332)	43.76%	(1,398,359,697)
<b>Cộng</b>				<b>(A)</b>	<b><u>(47,424,487,137)</u></b>

(\*): Khoản chênh lệch giữa Tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư tại ngày 30/6/2015 với Vốn đầu tư của đơn vị nhận đầu tư.

(\*\*): Khoản đầu tư vào các công ty (đang trong tình trạng lỗ) chưa tiến hành trích lập dự phòng do các công ty này đang trong giai đoạn trồng rừng và nằm trong kế hoạch lỗ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản đầu tư vào	Số lượng cp	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	279,784,766	-	279,784,766
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	52,680,000,000	-	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	540,000	5,400,000,000	(104,239,264)	5,295,760,736
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	302,500	3,025,000,000	(125,350,907)	2,899,649,093
<b>Cộng</b>		<b>61,384,784,766 (B)</b>	<b>(229,590,171)</b>	<b>61,155,194,595</b>

Tổng cộng số dư dự phòng 30/6/2015: (A) + (B) = (47.654.077.308) đồng.

13. Phải trả người bán	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>(a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH SX TM Hóa Keo Bình Thạnh	3,064,360,409	3,064,360,409	4,466,155,380	4,466,155,380
- Công ty CP Vũ Tuấn	-	-	5,133,971,100	5,133,971,100
- Công Ty TNHH Lâm Nghiệp & Thương Mại Nguyên Thành Phát	-	-	4,415,293,619	4,415,293,619
- Hợp Tác Xã An Tiến	2,991,239,125	2,991,239,125	2,066,291,908	2,066,291,908
- Phải trả các bên liên quan (b)	45,446,137,936	45,446,137,936	45,641,827,603	45,641,827,603
- Phải trả cho các đối tượng khác	26,315,863,681	26,315,863,681	26,927,160,412	26,927,160,412
<b>Cộng</b>	<b>77,817,601,151</b>	<b>77,817,601,151</b>	<b>88,650,700,022</b>	<b>88,650,700,022</b>
<b>(b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	6,150,609,030	6,150,609,030	-	-
- Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (TTBD2)	350,802	350,802	5,323,791,375	5,323,791,375
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (TTTTĐ)	2,969,578,815	2,969,578,815	2,972,919,725	2,972,919,725
- Công ty CP Trường Thành Xanh	20,962,866,190	20,962,866,190	20,826,069,454	20,826,069,454
- Công ty CP Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	7,226,473,892	7,226,473,892	7,280,074,054	7,280,074,054
- Công ty CP Bao Bì Trường Thành	526,589,382	526,589,382	423,840,285	423,840,285
- Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI (TTO)	7,609,669,825	7,609,669,825	8,430,717,300	8,430,717,300
- Công ty CP Nông Lâm Công nghiệp Trường An	-	-	384,415,410	384,415,410
<b>Cộng</b>	<b>45,446,137,936</b>	<b>45,446,137,936</b>	<b>45,641,827,603</b>	<b>45,641,827,603</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2015	Số phải nộp trong	Số đã thực nộp	30/6/2015
		kỳ	trong kỳ	
- Thuế GTGT	23,538,380,395	-	-	23,538,380,395
- Thuế TNDN	20,385,138,513	32,544,490,899	-	52,929,629,412
- Thuế TNCN	3,378,167,840	572,594,000	166,330,932	3,784,430,908
- Thuế khác	112,116,593	3,000,000	3,000,000	112,116,593
<b>Cộng</b>	<b>47,413,803,342</b>	<b>33,120,084,899</b>	<b>169,330,932</b>	<b>80,364,557,309</b>
b) Phải thu				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(11,237,496)	18,329,280	54,446,784	(47,355,000)
- Thuế nhập khẩu	(1,944,908,080)	825,151,086	262,912,748	(1,382,669,742)
<b>Cộng</b>	<b>(1,956,145,576)</b>	<b>843,480,366</b>	<b>317,359,532</b>	<b>(1,430,024,742)</b>

### 15. Chi phí phải trả

	30/6/2015	01/01/2015
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	12,818,501,561	19,233,103,219
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ (993,814.37 USD)	21,704,905,840	28,765,580,232
- Tiền thuê đất còn phải trả	2,525,951,912	-
- Chi phí phải trả khác	1,374,296,836	920,392,727
<b>Cộng</b>	<b>38,423,656,149</b>	<b>48,919,076,178</b>

### 16. Phải trả khác

	30/6/2015	01/01/2015
- Tài sản thừa chờ xử lý	295,287,409	205,894,651
- Kinh phí Công đoàn	232,224,000	190,859,000
- Khoản BHXH, BHYT và BHTN còn phải nộp	44,961,563,845	37,275,147,092
- Lãi chậm nộp BHXH, lãi chậm nộp thuế	11,559,827,824	6,986,375,428
- Phải trả liên quan đến khoản tiền mượn thanh toán	34,972,270,838	83,157,047,768
- Phải trả liên quan đến gỗ khai thác nhập dư chưa quyết toán	6,553,408,044	-
- Phải trả các bên liên quan về khoản mượn không lãi suất (thuyết minh tại mục VII.3)	129,230,953,014	150,396,922,561
- Phải trả Công ty TNHH TM và XD DLC liên quan đến khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh (Thuyết minh VII.2)	27,985,714,640	-
- Phải trả lợi nhuận hợp tác cho Công ty DLC (Thuyết minh VII.2)	1,026,011,561	-
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	726,000,000	613,000,000
- Phải trả liên quan đến khoản nhận tiền mua cổ phần phát hành thêm từ các cổ đông (Thuyết minh tại VII.1)	172,667,850,000	-
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (*)	35,760,791,089	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Việt Á (**)	21,490,750,000	-
- Phải trả Công ty CP Vận tải Vũ Thành (thuyết minh VI.8)	113,490,000,000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,694,112,432	2,199,901,068
<b>Cộng</b>	<b>602,646,764,696</b>	<b>281,025,147,568</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Phải trả Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng mua bán nợ giữa DATC với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (nợ gốc 31.285.955.600 VND và 205,881.55 USD) về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu tại Công ty.

(\*\*) Phải trả Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng - TMCP Việt Á theo hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng - TMCP Việt Á và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đắk Lắk về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu tại Công ty.

### 17. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay ngắn hạn	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
- Vay từ các ngân hàng (*)	1,211,165,149,577	555,078,976,760	700,873,528,200	1,065,370,598,137
- Vay từ các tổ chức (**)	33,645,205,020	-	-	33,645,205,020
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2,000,000,000			-
<b>Cộng</b>	<b>1,246,810,354,597</b>	<b>555,078,976,760</b>	<b>700,873,528,200</b>	<b>1,099,015,803,157</b>

### b) Vay dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng	21,490,750,000	-	21,490,750,000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(2,000,000,000)			-
<b>Cộng</b>	<b>19,490,750,000</b>	<b>-</b>	<b>21,490,750,000</b>	<b>-</b>

(*) Chi tiết khoản vay Ngân hàng	Số dư nợ vay	Gốc ngoại tệ
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM	159,124,192,718	7,285,906.26
Ngân hàng Đông Á - CN Bình Dương	186,177,384,627	-
Ngân hàng Đông Á - CN Bình Dương	1,637,344,800	74,970.00
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Tp.HCM	23,559,647,748	1,078,738.45
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Bình Dương	40,975,609,802	1,876,172.61
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	7,064,890,903	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Phú Nhuận	62,220,634,438	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Phú Nhuận	14,687,400,000	672,500.00
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thủ Đức	9,391,400,000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thủ Đức	62,863,156,356	2,878,349.65
Ngân hàng TMCP Việt Á	224,124,825,686	-
Ngân hàng TMCP Việt Á	181,292,018,981	8,300,916.62
Ngân hàng TMCP An Bình	92,252,092,078	4,223,996.89
<b>Cộng</b>	<b>1,065,370,598,137</b>	<b>26,391,550.48</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành và các cá nhân khác, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 30/6/2015, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 7% đến 9%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 2,5% đến 5%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(\*\*) Khoản vay từ Công ty CP Phú Hữu Gia với lãi suất tiền vay từ 12% - 14,5%/năm. Khoản vay này là vay tín chấp.

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	735,000,000,000	265,671,000,000	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	83,513,052,848	-	31,407,360,000	52,105,692,848
Cổ phiếu quỹ	(4,640,000)	-	-	(4,640,000)
Các quỹ	13,268,608,857	138,854,310	-	13,407,463,167
LNST chưa phân phối	51,340,014,177	55,380,242,611	416,562,930	106,303,693,858
<b>Cộng</b>	<b>883,117,035,882</b>	<b>321,190,096,921</b>	<b>31,823,922,930</b>	<b>1,172,483,209,873</b>

	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	1,000,671,000,000	-	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	52,105,692,848	-	-	52,105,692,848
Cổ phiếu quỹ	(4,640,000)	-	-	(4,640,000)
Các quỹ	13,407,463,167	-	-	13,407,463,167
LNST chưa phân phối	106,303,693,858	110,371,851,012	-	216,675,544,870
<b>Cộng</b>	<b>1,172,483,209,873</b>	<b>110,371,851,012</b>	<b>-</b>	<b>1,282,855,060,885</b>

b) Cổ phiếu	30/6/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,067,100	100,067,100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,067,100	100,067,100
+ Cổ phiếu phổ thông	100,067,100	100,067,100
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(464)	(464)
+ Cổ phiếu phổ thông	(464)	(464)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,066,636	100,066,636
+ Cổ phiếu phổ thông	100,066,636	100,066,636
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

**Quỹ đầu tư phát triển** đầu kỳ đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (9.655.694.133 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang

c) (3.612.914.724 đồng).

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

<b>Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:</b>	30/6/2015	
- Nguyên liệu	11,277,631,272	
- Hàng hóa	7,273,000,000	
- Vật tư	112,964,593	
<b>Cộng</b>	<b>18,663,595,865</b>	
<b>Ngoại tệ các loại:</b>	30/6/2015	01/01/2015
- USD	165,943.32	22,115.63
- EUR	143.95	143.98
<b>Nợ khó đòi đã xử lý:</b>	30/6/2015	01/01/2015
	<b>2,743,601,170</b>	<b>2,743,601,170</b>

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 (thời kỳ trước)
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	1,158,488,619,892	600,364,054,321
- Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	1,567,024,613	562,560,105
- Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	61,625,008,016	55,191,335,872
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (phí xuất khẩu, cho thuê mặt bằng, gia công...)	17,739,655,890	6,231,965,263
<b>Cộng</b>	<b>1,239,420,308,411</b>	<b>662,349,915,561</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chiết khấu thương mại	188,058,160	45,993,124
- Giảm giá hàng bán	-	223,804,267
- Hàng bán bị trả lại	-	583,437,023
<b>Cộng</b>	<b>188,058,160</b>	<b>853,234,414</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Giá vốn bán thành phẩm và hàng hoá	1,059,847,924,295	558,547,485,058
- Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	1,567,024,613	562,560,105
- Giá vốn các hợp đồng thi công công trình	45,362,287,560	28,607,549,426
- Giá vốn dịch vụ	10,589,395,556	-
<b>Cộng</b>	<b>1,117,366,632,024</b>	<b>587,717,594,589</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1,384,125,963	1,718,130,409
- Lãi cho vay	2,742,637,431	1,184,260,631
- Lãi chênh lệch tỷ giá	847,090,811	489,965,033
- Lãi liên quan đến việc thoái một phần vốn vào Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	3,452,120,000	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	413,529
<b>Cộng</b>	<b>8,425,974,205</b>	<b>3,392,769,602</b>

5. Chi phí tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí lãi vay	46,984,767,487	49,073,684,588
- Chi phí lãi vay được xóa	(*) (34,335,857,651)	(20,871,092,626)
- Lãi trả chậm thanh toán, chiết khấu thanh toán	-	259,905,723
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	11,260,312,232	5,437,971,965
- Lỗ từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	-	10,448,288,000
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(5,859,271,246)	(12,278,252,997)
- Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh với DLC	1,026,011,561	-
- Phí ngân hàng	573,381,630	648,797,431
<b>Cộng</b>	<b>19,649,344,013</b>	<b>32,719,302,084</b>

(\*) Chi phí lãi vay được xóa đối với khoản vay từ Công ty CP Phú Hữu Gia là 7.324.264.563 đồng và lãi vay ngân hàng được xóa từ Công ty CP Vận tải Vũ Thành (Thuyết minh VI.8) là 27.011.593.088 đồng.

6. Chi phí bán hàng	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí nhân viên	2,953,469,140	1,367,805,797
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8,287,716	8,821,046
- Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	2,139,074,216	731,975,347
- Chi phí xuất hàng	3,236,466,911	1,997,726,939
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	390,694,422	981,210,513
- Chi phí bằng tiền khác	385,424,814	224,141,286
<b>Cộng</b>	<b>9,113,417,219</b>	<b>5,311,680,928</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	26,556,973,675	19,983,028,504
- Chi phí công tác, tiếp khách	1,386,023,381	1,147,003,489
- Chi phí đưa đón công nhân viên	990,664,402	1,438,005,503
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	630,192,170	479,700,227
- Chi phí khấu hao TSCĐ	950,586,733	857,393,702
- Thuế, phí và lệ phí và các dịch vụ thuê ngoài	2,379,231,945	2,100,099,369
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	60,912,011	233,912,787
- Chi phí điện, nước, điện thoại	2,672,352,872	1,122,934,651
- Chi phí bằng tiền khác	2,823,603,622	956,997,864
<b>Cộng</b>	<b>38,450,540,811</b>	<b>28,319,076,097</b>

8. Thu nhập khác	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	355,691,347	-
- Thu nhập từ lãi vay được xóa từ Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	-	2,700,000,000
- Thu nhập do phạt vi phạm	343,566,966	601,189,876
- Thu nhập từ việc xử lý các khoản phải trả	-	197,155,456
- Thu nhập từ việc chi hộ	-	660,909,092
- Thu nhập từ nợ gốc vay được xóa (*)	86,358,568,962	-
- Thu nhập khác	335,455,585	67,599,419
<b>Cộng</b>	<b>87,393,282,860</b>	<b>4,226,853,843</b>

(\*) Theo biên bản thỏa thuận số 01-2015/BBTT/TTF-VTC ngày 18/6/2015 giữa Công ty và Công ty CP Vận tải Vũ Thành (VTC), thì sau khi VTC mua lại khoản nợ của Công ty và hai công ty con là Công ty CP Trường Thành (DL1) và Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) từ DATC, thì VTC sẽ xóa toàn bộ dư nợ lãi tại Công ty và hai công ty con là 48.269.919.334 đồng và 776.940.80 USD (của Công ty là 27.011.593.088 đồng, bao gồm 10.043.206.016 đồng và 776.940.80 USD) cũng như xóa một phần nợ gốc của Công ty tương ứng là 86.358.568.962 đồng. Vào ngày 30/6/2015, VTC đã có công văn số 01-15/CV/VTC-TTF về việc thông báo xóa lãi và giảm nợ gốc cho Công ty với số liệu như trên.

9. Chi phí khác	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí phạt	2,271,911,212	147,054,758
- Phạt vi phạm hành chính liên quan đến thuế và lãi chậm nộp thuế và lãi chậm nộp BHXH	4,635,162,175	299,458,725
- Thù lao HĐQT	378,000,000	-
- Chi phí từ việc chi hộ	-	660,909,910
- Xử lý công nợ khó đòi	-	109,403,690
- Chi phí khác	270,157,951	255,123,323
<b>Cộng</b>	<b>7,555,231,338</b>	<b>1,471,950,406</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	132,387,963,110	300,490,231,466
- Chi phí nhân công	81,366,698,598	52,378,939,722
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,402,867,245	2,270,609,173
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37,100,653,391	24,297,298,998
- Chi phí khác bằng tiền	9,113,357,979	5,160,217,355
<b>Cộng</b>	<b>262,371,540,323</b>	<b>384,597,296,714</b>
<b>11. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	142,916,341,911	13,576,700,488
Các khoản chi phí không được trừ	5,013,162,175	1,397,428,158
<b>Thu nhập tính thuế ước tính</b>	<b>147,929,504,086</b>	<b>14,974,128,646</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>32,544,490,899</b>	<b>3,294,308,302</b>

### VII. Những thông tin khác

#### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

- Theo Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường 2015 ngày 02/02/2015, thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn trong năm 2015 với số lượng phát hành thêm là 40.026.840 cổ phần, đối tượng phát hành là cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện là 10:4, giá phát hành theo Nghị Quyết HĐQT của HĐQT ngày 26/3/2015 là 10.000 đồng/cp

- Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012. Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) với số lượng là 4.523.900 cổ phần và tỉ lệ hoán đổi là 1:1.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 2. Các cam kết

- Theo thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014 giữa Công ty và Công ty CP Địa ốc Đại Á, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đất 10.320 m2 thuộc Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương với tổng giá trị là 22 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) (Thuyết minh tại mục V.10).

- Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐKT/TTF-DLC ngày 20/4/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH TM và XD DLC, hai bên cùng góp vốn hợp tác kinh doanh sản xuất hàng ngoại thất xuất khẩu số: TTF-CPS 01/15 OUT ký ngày 10/4/2015 giữa Công ty và CPS với giá trị hợp đồng là 3,519,149.40 USD. Theo đó, Công ty TNHH TM và XD DLC sẽ góp bằng tiền là 66.389.721.197 đồng và được hưởng lợi nhuận cố định là 5 tỷ đồng dù hợp đồng thực hiện có lãi hoặc lỗ.

- Công ty cam kết trả nợ thay các khoản vay của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An đến Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN ĐakLak trong trường hợp Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An không đủ khả năng thanh toán các khoản vay đã vay từ Ngân hàng này theo hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008.

- Công ty đang được Công ty CP Trồng rừng Trường Thành thế chấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 848,934 ha rừng trồng tại Huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận với giá trị theo thỏa thuận định giá là 97.500.000.000 đồng.

### 3. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Trường Thành (TTDL1)	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	68,500,059
		Bán hàng	877,648,000
		Bán nguyên vật liệu	7,005,682,601
		Mua hàng	(178,165,234,127)
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTDL2)	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	17,583,000
		Bán nguyên vật liệu	8,409,197,729
		Mua hàng	(71,012,398,029)
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2)	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(36,000,000)
		Bán nguyên vật liệu	41,983,297,678
		Mua hàng	(218,366,823,050)
		Thuê nhà xưởng, thuê xe	(31,587,900,099)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3)	Công ty con	Bán TSCĐ	330,000,000
		Bán nguyên vật liệu	68,279,260,554
		Mua hàng	(135,243,833,195)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(83,378,470)
Công ty CP Trường Thành Xanh (TTG)	Công ty con	Mua TSCĐ	(128,265,626)
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	1,014,350,902
		Mua hàng	(16,247,643,529)
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(150,000,000)
		Lãi cho vay	1,094,634,500
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành ĐakNông	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	36,824,367,273
		Bán hàng	122,218,048
		Mua hàng	(141,820,212,116)
Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (TTDL4)	Công ty con	Lãi cho vay	183,282,054
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	47,307,000
		Bán TSCĐ	190,000,000
		Mua hàng	(5,950,977,096)
		Lãi cho vay	108,633,334
Công ty CP Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	531,147,436
		Mua hàng	(2,905,208,458)
Công ty CP VLXD Trường Thành - Phước An	Cùng tập đoàn	Lãi cho vay	179,188,000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	Công ty liên doanh	Lãi vay	(14,074,649)
		Lãi cho vay	636,076,232

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty CP Trường Thành (TTDL1)	Công ty con	Phải thu	115,882,117,105
		Phải thu khác	39,702,001,815
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTDL2)	Công ty con	Phải trả	(6,150,609,030)
		Phải thu khác	39,329,000,000
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2)	Công ty con	Phải trả	(350,802)
		Phải trả khác (tiền mượn)	(44,411,962,723)
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTTD)	Công ty con	Phải trả	(2,969,578,815)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên kết</b>	<b>Số dư</b>	<b>Phải thu / (phải trả)</b>
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3)	Công ty con	Phải thu	142,432,553,545
Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành (ĐắkNông)	Công ty con	Phải thu	146,854,854
Công ty CP Trường Thành Xanh (TTG)	- Công ty con	Phải trả Phải trả khác	(20,962,866,190) (4,778,493,106)
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	Công ty con	Phải trả	(7,226,473,892)
		Phải thu	388,878,614
Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (TTDL4)	Công ty con	Phải thu khác (lãi vay) Phải thu khác (tiền mượn)	954,889,375 400,000,000
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Phải thu Phải thu khác (lãi vay)	683,058,581 1,520,889,500
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành ĐắkNông	Công ty con	Phải trả khác	(80,040,497,185)
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Phải thu	22,997,040
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Công ty con	Phải thu khác	108,633,334
Công ty CP Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Phải trả	(526,589,382)
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	Công ty liên doanh	Phải thu khác (lãi vay) Phải trả	327,999,941 (7,609,669,825)
Công ty CP VLXD Trường Thành - Phước An	Cùng tập đoàn	Phải thu Phải thu khác (lãi vay)	1,541,783,102 1,418,843,999
Ông Võ Diệp Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Phải thu khác (tiền mượn)	2,100,000,000

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



Đào Ngọc Quyết  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng

